

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh

LÊ THỊ THU DIỆM*

Tóm tắt

Thông qua khảo sát 170 doanh nghiệp nhỏ và vừa sau chuyển đổi có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Trà Vinh từ 6 tháng cuối năm 2020 đến nay, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến Quyết định tiếp tục loại hình doanh nghiệp sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh, gồm: Các yếu tố về hiệu quả hoạt động doanh nghiệp (Hiệu quả kỹ thuật; Hiệu quả phân bổ nguồn lực và Hiệu quả sử dụng chi phí); Các yếu tố về niềm tin (Khả năng tự chủ, Chuẩn mực và Thể chế). Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp các doanh nghiệp quyết định việc tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp.

Từ khóa: loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh

Summary

Through a survey of 170 active small and medium-sized enterprises after conversion from household business in Tra Vinh province from the last 6 months of 2020 up to now, the research points out some factors affecting their decision to keep the type of business after conversion, which are Elements of business performance (Technical efficiency; Resource allocation efficiency and Cost efficiency); Elements of trust (Autonomy, Norms, and Institutions). From the obtained result, the author proposes some solutions for helping businesses decide to maintain their legal status after the conversion.

Keywords: type of business, change the type of business, small and medium-sized enterprises in Tra Vinh province

GIỚI THIỆU

Hiện nay, đang có một thực trạng là một số hộ kinh doanh sau chuyển đổi lên doanh nghiệp một thời gian lại quyết định chuyển sang hình thức hộ kinh doanh, với nhiều lý do, như: không thích ứng với yêu cầu áp dụng công nghệ vào quản lý; phát sinh nhiều hơn các khoản chi phí quản lý; sức ép tuân thủ các quy định về kế toán và thuế. Vì thế, để quá trình chuyển đổi của các hộ kinh doanh lên doanh nghiệp được bền vững, thì phải có những giải pháp giúp các doanh nghiệp sau chuyển đổi tiếp tục giữ tư cách pháp nhân, chứ không phải lại quay về hình thức hộ kinh doanh. Việc này rất cần thiết, nó không

chỉ góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí, phân bổ nguồn lực hiệu quả, mà còn làm gia tăng phúc lợi xã hội cho toàn bộ nền kinh tế cả nước, cũng như kinh tế của địa phương.

Trong bối cảnh đó, tác giả thực hiện nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh.

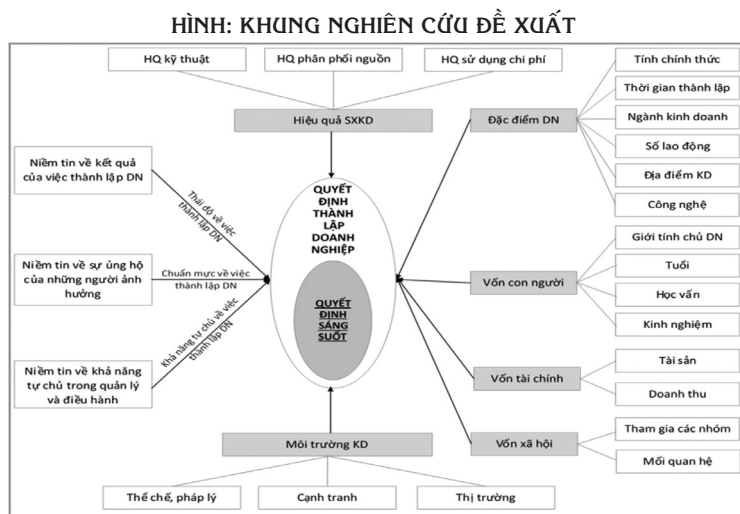
CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Để nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp sau chuyển đổi, tác giả vận dụng lý thuyết hành vi dự định (TPB - Theory of planned behavior) là mô hình do Ajzen (1985) phát triển từ nền tảng của lý thuyết về sự lựa chọn hành động hợp lý (TRA - Theory of reasoned action). Ý

* TS., Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 29/8/2021; Ngày phản biện: 10/10/2021; Ngày duyệt đăng: 20/10/2021



Nguồn: Tác giả đề xuất

tưởng của TPB là khi một người có đủ cơ hội, nguồn lực và có ý định thực hiện hành vi, thì hành vi đó sẽ có khả năng được thực hiện thành công rất cao (Ajzen, 1991).

Bên cạnh đó, hành vi của doanh nghiệp cũng chịu sự chi phối của động cơ lợi ích. Theo TPB, bất kỳ nhà sản xuất nào cũng quan tâm đến sản lượng mà họ có thể sản xuất được là bao nhiêu (bao hàm ý nghĩa là sản lượng sản xuất ra tiêu thụ được trên thị trường), làm sao chi phí là thấp nhất nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận nhiều nhất.

Mô hình nghiên cứu

Có nhiều nghiên cứu về quyết định chuyển lên doanh nghiệp của hộ kinh doanh. Thiam (2007) cho rằng, việc chuyển đổi từ không chính thức sang chính thức được kích hoạt thông qua các khuyến khích và cho phép cải cách môi trường, như: tiếp cận tín dụng, tạo thuận lợi thương mại, chính thức hóa các mối liên kết kinh doanh, làm cho chi phí chính thức hóa đáng giá. Hơn nữa, cả gánh nặng quy định và chất lượng pháp lý là những yếu tố quan trọng quyết định tính không chính thức (Tenev và cộng sự, 2003; Dabla - Norris và cộng sự, 2005, 2008).

Các nhà nghiên cứu khác cho thấy, hình thức liên quan đến gánh nặng thuế và/hoặc chi phí tuân thủ các yêu cầu quy định (Marcouiller và Young, 1995; Cebula, 1997; Friedman và cộng sự, 2000; Azuma và Grosman, 2002; Straub, 2005); chi phí nhập cảnh (Auriol và Warlters, 2005); lao động (Friedman và cộng sự, 2000; Johnson và cộng sự, 1997; Botero và cộng sự, 2004) và phát triển tài chính (Straub, 2005). Ở Việt Nam, sự tương tác của Chính phủ với các hoạt động kinh doanh, mức thuế, môi trường kinh doanh và mức độ tiếp cận các nguồn lực ảnh hưởng đến việc chuyển đổi từ không chính thức sang chính thức (Tenev và cộng sự, 2003). Theo Cling và cộng sự (2012), quy mô, thu nhập và sự chuyên nghiệp của doanh nghiệp có mối tương quan tích cực và đáng kể với quyết định đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Trong giới hạn nguồn thông tin mà tác giả tiếp cận được, chưa tìm thấy một nghiên cứu nào về quyết định

tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp. Đa phần các nghiên cứu đều tiến hành xem xét và kiểm nghiệm một cách rời rạc những yếu tố, mà họ quan tâm và được cho là có ảnh hưởng nhiều đến việc một cá nhân có xu hướng trở thành doanh nhân nhiều hơn những người khác.

Trên cơ sở lược khảo các nghiên cứu trước đó, tác giả đề xuất khung phân tích của nghiên cứu như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kỹ thuật phân tích màng bao dữ liệu DEA (data envelopment Analysis) để ước lượng hiệu quả sản xuất, kinh doanh: Hiệu quả kỹ thuật (TE); Hiệu quả phân phối nguồn lực (AE); Hiệu quả sử dụng chi phí (CE) của các doanh nghiệp sau chuyển đổi.

Bên cạnh đó, nghiên cứu áp dụng mô hình hồi quy đa biến Logit (Binary Logistic) để thực hiện phân tích, đánh giá nhận định của các doanh nghiệp sau khi đã chuyển đổi thành doanh nghiệp thành công về quyết định chuyển đổi của mình. Biến phụ thuộc Y được đo lường là 1 = Quyết định đăng ký thành lập doanh nghiệp là một quyết định sáng suốt và 0 = Quyết định đăng ký thành lập doanh nghiệp không phải là một quyết định đúng. Mô hình nghiên cứu có dạng hàm toán học như sau:

$$Y = f(TE, AE, CE, chinhthuc, thanhlap, nganh, laodong, diadiem, congngh, gioitinh, hocvan, kinhnghiem, taisan, doanhthu, vonxahoi, thitruong, canhtranh, theche, thaiddo, chuanmuc, tuchu)$$

Tác giả gửi 170 phiếu khảo sát cho đối tượng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa sau chuyển đổi có hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 6/2020 đến tháng 6/2021.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả kiểm định (Bảng 1) cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha ở tất cả các yếu tố của thang đo đều lớn hơn 0,8, do đó thang đo được đánh giá là đủ tin cậy để đưa vào nghiên cứu.

Tiếp theo, tác giả sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA) để rút gọn các biến quan sát của thang đo và loại bỏ biến quan sát. Kết quả kiểm định (Bảng 1) cho thấy, hệ số KMO = 0,867 > 0,5 và < 1. Do đó, phân tích nhân tố là phù hợp. Kiểm định Bartlett xem xét giả thuyết H_0 độ tương quan giữa các biến quan sát = 0

trong tổng thể cho kết quả giá trị Sig. < 0,05 (0,000), nên các quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Thêm vào đó, tổng phương sai trích đạt 68,8% > 50%, cho thấy các yếu tố đưa vào phân tích trong mô hình đo lường thang đo là phù hợp. Như vậy, việc sử dụng các biến quan sát được rút trích từ các nhóm nhân tố là phù hợp.

Để đo lường hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sau chuyển đổi, phân tích DEA cho thấy, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp là khá thấp (Bảng 2). Mức hiệu quả càng xa 1, chứng tỏ hiệu quả càng thấp.

Cuối cùng các yếu tố được đưa vào phân tích trong mô hình logistic nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu được thể hiện tại Bảng 3. Kết quả cột 2 thể hiện kết quả thu được sau khi đã loại bỏ các yếu tố gây đa cộng tuyến và phương sai thay đổi ở mô hình hồi quy. Các yếu tố ảnh hưởng lên Quyết định thành lập doanh nghiệp của họ chủ yếu là các yếu tố về hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các yếu tố về thuộc về niềm tin, tính tự chủ của người đứng đầu.

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết luận

Thông qua khảo sát 170 doanh nghiệp nhỏ và vừa sau chuyển đổi có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Trà Vinh từ 6 tháng cuối năm 2020 đến nay, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến Quyết định tiếp tục loại hình doanh nghiệp sau chuyển đổi của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Trà Vinh, gồm: Các yếu tố về hiệu quả hoạt động doanh nghiệp là: Hiệu quả kỹ thuật; Hiệu quả phân bổ nguồn lực và Hiệu quả sử dụng chi phí; Các yếu tố về niềm tin, như: Khả năng tự chủ, Chuẩn mực và Thể chế.

Đề xuất một số giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp giúp doanh nghiệp quyết định tiếp tục tư cách pháp nhân sau chuyển đổi trong thời gian tới như sau:

Giải pháp truyền thông doanh nghiệp:

Nhóm giải pháp này nhằm mục tiêu cụ thể hóa quan điểm về nhận thức của doanh nghiệp. Một số sáng kiến có thể được thực hiện, bao gồm: chương trình

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CRONBACH'S ALPHA

Tên nhân tố	Số quan sát	Cronbach's Alpha	Kiểm định Bartlett's	Hệ số KMO
Thaido	5	0,910	0,000	0,871
Chuanmuc	5	0,931	0,000	0,921
Tuchu	5	0,863	0,000	0,831
Theche	5	0,845	0,000	0,840

BẢNG 2: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH DEA VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP SAU CHUYỂN ĐỔI

Danh sách biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Hiệu quả kỹ thuật - TE	170	0,398	0,281	0,113	1
Hiệu quả phân phối nguồn lực - CE	170	0,254	0,157	0,100	1
Hiệu quả sử dụng chi phí - AE	170	0,648	0,552	0,552	1

BẢNG 3: KẾT QUẢ MÔ HÌNH LOGISTIC

Quyết định	(1)	(2)
chinhthuc	4,0482* (2,338)	
te	83,7868** (34,367)	81,2865*** (31,522)
ae	25,8378*** (9,728)	27,1067*** (9,435)
ce	-111,1335*** (42,243)	-109,1272*** (39,477)
thaido	0,4458 (0,542)	0,5351 (0,499)
chuanmuc	0,3865 (0,391)	0,7635** (0,334)
tuchu	1,2347*** (0,425)	1,1307** (0,546)
theche	1,8711*** (0,625)	1,5791*** (0,522)
thitruong1	-1,0662 (0,933)	-0,6054 (0,818)
thitruong2	1,4789 (1,134)	0,5712 (0,851)
vonxahoi1	2,2422 (1,812)	0,3754 (1,168)
vonxahoi2	-3,2645** (1,374)	-1,7201 (1,358)
gioitinh	1,5367 (1,391)	1,0360 (1,190)
hocvan	-0,1737 (0,796)	-0,4920 (0,724)
kinhnghiem	-0,1029 (0,077)	-0,0486 (0,060)
taisan		
voncsh		
thanhlap	-0,0060 (0,073)	0,0177 (0,067)
canhtranh		
congnghe	5,5661** (2,649)	3,3591* (1,820)
Hệ số	-25,7342*** (9,315)	-21,7679*** (7,570)
Số quan sát	95	95
Pseudo R2	0,6315	0,6042
Wald chi2	36,110	32,300
Prob > chi2	0,007	0,014
AIC	86,058	87,624
BIC	298,036	299,024
F-test	chi2(18) = 36,11 Prob > chi2 = 0,0068	chi2(17) = 32,30 Prob > chi2 = 0,0138

Ghi chú: *** $p < 0,01$; ** $p < 0,05$; * $p < 0,10$

Nguồn: Tính toán của tác giả

nâng cao nhận thức cộng đồng, thành lập các tổ hỗ trợ kinh doanh, tổ truyền thông doanh nghiệp, tổng đài hỗ trợ trực tuyến, hành động nhanh...

Giải pháp đào tạo: Đối với các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp mới chuyển đổi là những doanh nghiệp cần sự hỗ trợ, quan tâm khá nhiều của chính quyền địa phương. Vấn đề về sự duy trì hoạt động trong hình thức doanh nghiệp sau khi chuyển đổi mới là vấn đề quyết định sự tồn vong và hiệu quả của chiến dịch thúc đẩy chính thức hóa của tỉnh Trà Vinh. Do đó, đây cũng là nhóm đối tượng cần được ưu đãi, hỗ trợ nhiều nhất. Đối với các doanh nghiệp mới chuyển đổi, họ thường phải đối mặt với nhiều vấn đề thay đổi mô hình kinh doanh, quản trị, kế toán, quản lý vốn... và họ cần được đào tạo để nắm rõ, cũng như quản lý các rủi ro đến từ các vấn đề này.

Giải pháp về quản lý thuế, phí, quản lý tài sản và đất đai: Một trong những lý do chính mà doanh nghiệp gặp khó khăn sau chuyển đổi là gánh nặng về thuế, vì nhiều người trong số họ hoạt động với tỷ suất lợi nhuận nhỏ. Mặc dù giảm thuế suất doanh nghiệp là một trong

những nhu cầu chính của doanh nghiệp, nhưng Chính phủ có thể xem xét đưa ra phương án “một khoản thuế/một lần trả”, trong đó tất cả các loại thuế và lệ phí (thuế doanh nghiệp, thuế môn bài, an sinh xã hội, tài sản thuế...) được loại bỏ và một khoản thanh toán duy nhất được thực hiện hàng năm.

Giải pháp về quản lý hành chính, thủ tục, pháp lý: Cần có một cổng thông tin cấp quốc gia một cửa sổ duy nhất với điều kiện tất cả đều có thể được tạo cho các chức năng pháp lý của kinh doanh về bản chất không lặp lại, như: đăng ký, xin quyền, giấy phép và thậm chí đóng cửa.

Giải pháp về vốn, tín dụng: Đối với các doanh nghiệp sau chuyển đổi, thì một khoản tiền ưu đãi nhỏ xem như một phần thưởng cho quyết định chuyển đổi của họ là một trong những “cú hích” khuyến khích các doanh nghiệp. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1985). *From intention to actions: A theory of planned behavior*, In J. Kuhl, and J. Beckman (Eds.), *Action control: From cognition to behavior* (11-39), New York: Springer-Verlag
2. Ajzen (1991). The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50, 179-211
3. Auriol và Warlters (2005). Taxation base in developing countries, *Journal of Public Economics*, 89(4), 625-646
4. Azuma, Y., and H.I. Grossman (2002). *A Theory of the Informal Sector*, NBER Working Paper No. 8823, Cambridge, MA: National Bureau of Economic Research
5. Botero, J., S. Djankov, R. La Porta, F. Lopez-de-Silanes, and A. Shleifer (2004). The Regulation of Labor, *Quarterly Journal of Economics*, 119(4), 1339-1382
6. Cebula (1997). An Empirical Analysis of the Impact of Government Tax and Auditing Policies on the Size of the Underground: The Case of the United States, *American Journal of Economics and Sociology*, 56(2), <https://doi.org/10.1111/j.1536-7150.1997.tb03459.x>
7. Cling, J.-P., M. Razafindrakoto, and F. Roubaud (2011). *The informal economy in Viet nam*, Hanoi: International Labour Organization
8. Cling, J.-P., M. Razafindrakoto, and F. Roubaud (2012). To be or not to be registered? Explanatory factors behind formalizing non-farm household businesses in Vietnam, *Journal of the Asia Pacific Economy*, 17(4), 632-652
9. Dabla - Norris, Andrew Feltenstein (2005). The underground economy and its macroeconomic consequences, *The Journal of Policy Reform*, 8(2)
10. Dabla - Norris, E., M. Gradstein, and G. Inchauste (2008). What Causes Firms to Hide Output? The Determinants of Informality, *Journal of Development Economics*, 85, 1-27
11. Friedman, Simon Johnson, Daniel Kaufmann, Pablo Zoido-Lobaton (2000). Dodging the grabbing hand: the determinants of unofficial activity in 69 countries, *Journal of Public Economics*, 76(3), 459-493
12. Johnson, S., D. Kaufmann, and A. Shleifer (1997). *The unofficial economy in transition*, Brookings Papers on Economic Activity 27, No. 2: 159-239, Washington, DC: Brookings Institution
13. D. Marcouiller and L. Young (1995). The Black Hole of Graft: The Predatory State and the Informal Economy, *The American Economic Review*, 85(3), 630-646
14. Tenev, Amanda Carlier, Omar Chaudry, Quynh-Trang Nguyen (2003). *Informality and the Playing Field in Vietnam's Business Sector*, Washington, DC: World Bank
15. Thiam (2007). *Unlocking the potential of small and medium sized enterprises in West Africa: a path for reform and action*, Thesis (M.B.A.), Massachusetts Institute of Technology, Sloan School of Management